

Số: /BC-STP

Tuyên Quang, ngày tháng 12 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang**

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 632/VP-NC ngày 09/12/2022 của Văn phòng UBND tỉnh đề nghị thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

#### **I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017 (sau đây gọi chung là Luật Tổ chức chính quyền địa phương);

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020 (sau đây gọi chung là Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật);

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi chung là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung);

- Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 39/2022/NĐ-CP);

- Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 14/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ họp trong quản lý, điều hành của các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước (sau đây viết tắt là Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg);

- Văn bản số 4503/VPVP-TH ngày 19/7/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc quán triệt, tổ chức thực hiện Quy chế làm việc của Chính phủ.

**II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH (tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với các quy định trong văn bản đã giao quy định chi tiết)**

#### **1. Về sự cần thiết ban hành văn bản**

- Ngày 07/11/2016, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 29/8/2019). 02 văn bản là căn cứ chính để ban hành Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND và Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND là Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần tại Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019 và Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01/10/2016 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế tại Nghị định số 39/2022/NĐ-CP.

- Điều 2 Nghị định số 39/2022/NĐ-CP quy định:

*“Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành, thay thế Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ.*

*Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành Quy chế làm việc phù hợp với Quy chế làm việc của Chính phủ”.*

- Mục 2 Văn bản số 4503/VPVP-TH ngày 19/7/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc quán triệt, tổ chức thực hiện Quy chế làm việc của Chính phủ quy định:

*“2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sửa đổi, bổ sung ngay Quy chế làm việc của bộ, cơ quan, địa phương phù hợp với Quy chế làm việc của Chính phủ, đáp ứng yêu cầu công tác chỉ đạo, điều hành”.*

Căn cứ các quy định nêu trên, việc xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang để thay thế Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của UBND tỉnh là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

## **2. Về nội dung dự thảo văn bản**

**2.1.** Đề nghị bổ sung cụm từ “*Hiến pháp*” vào trước cụm từ “*Luật Tổ chức chính quyền địa phương*” tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo dự thảo Quyết định (sau đây viết tắt là dự thảo Quy chế) để đảm bảo đầy đủ.

**2.2.** Điều chỉnh khoản 1 Điều 3 dự thảo Quy chế quy định:

*“Điều 3. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân tỉnh*

*1. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các văn bản pháp luật có liên quan và quyết định các vấn đề sau:*

*c) Các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.*

*d) Các cơ chế, chính sách thuộc tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh”*

Quy định nêu trên chưa quy định đầy đủ trách nhiệm của UBND tỉnh tỉnh trong việc xây dựng, ban hành Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, cụ thể:

Điều 27, khoản 1 Điều 116, Điều 123 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

*“Điều 27. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh*

*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:*

*1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;*

*2. Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;*

*3. Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương;*

*4. Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.*

*Điều 116. Thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết*

*1. Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình thì Ủy ban nhân dân có trách nhiệm xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số để thông qua các chính sách trong từng đề nghị xây dựng nghị quyết.*

*Điều 123. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp*

*1. Đối với dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình thì Ủy ban nhân dân có trách nhiệm xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số để quyết định việc trình dự thảo nghị quyết ra Hội đồng nhân dân cùng cấp.*

*2. Đối với dự thảo nghị quyết do cơ quan, tổ chức khác trình thì Ủy ban nhân dân có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản.*

*Chậm nhất là 25 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết phải gửi tờ trình, dự thảo nghị quyết và*

*các tài liệu có liên quan đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân tham gia ý kiến.*

*Chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phải gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết”.*

Căn cứ các quy định nêu trên, Nghị quyết của HĐND tỉnh ngoài việc quy định “cơ chế, chính sách” thì còn được ban hành để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, biện pháp đảm bảo thi hành Hiến pháp, pháp luật, biện pháp phát triển kinh tế - xã hội... và UBND tỉnh ngoài việc quyết định các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh còn có trách nhiệm trong việc “*thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết*”, “*quyết định trình dự thảo nghị quyết ra Hội đồng nhân dân cùng cấp*” đối với các đề nghị xây dựng Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình; “*tham gia ý kiến bằng văn bản*” đối với các dự thảo Nghị quyết do cơ quan, tổ chức khác trình. Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa, bổ sung.

### **2.3. Khoản 2 Điều 3 dự thảo Quy chế quy định**

#### *“2. Cách thức giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân tỉnh*

*a) Thảo luận và quyết nghị từng vấn đề tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh thường kỳ, chuyên đề hoặc đột xuất.*

*b) Đối với một số vấn đề do yêu cầu cấp bách hoặc không nhất thiết phải tổ chức thảo luận, biểu quyết tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc biểu quyết của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến và chỉ đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi toàn bộ hồ sơ, phiếu xin ý kiến đến từng thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh để xin ý kiến.*

*Các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý (bao gồm cả bằng hình thức biểu quyết tại phiên họp hoặc gửi phiếu ghi ý kiến); trường hợp số tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định theo ý kiến biểu quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.*

*Trường hợp xin ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến:*

*- Nếu vấn đề được quá nửa số thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trong phiên họp gần nhất.*

*- Nếu vấn đề chưa được quá nửa số thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc đưa vấn đề ra phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh gần nhất để thảo luận”.*

Đoạn “*Các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh được thông qua ... đưa vấn đề ra phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh gần nhất để thảo luận*” được bố cục tại điểm b khoản 2 Điều 3 về việc biểu quyết của thành viên UBND tỉnh bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến, tuy nhiên nội dung của đoạn này quy định về điều kiện để các quyết định của UBND tỉnh được thông qua và xử lý trong trường hợp còn có ý kiến khác nhau. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu tách quy định tại đoạn này thành một điểm riêng.

**2.4.** Khoản 1 Điều 4 dự thảo Quy chế quy định: “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và quy định tại **Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương***”, đề nghị bổ sung Điều 121 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định về *phạm vi, trách nhiệm giải quyết công việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân* để đảm bảo đầy đủ.

**2.5.** Điểm i khoản 2 Điều 4 dự thảo Quy chế quy định:

“*2. Cách thức giải quyết công việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:*

*i) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền và các văn bản chỉ đạo, điều hành để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; thay mặt Ủy ban nhân dân tỉnh ký các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh (gồm văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính); ủy quyền các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký thay Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong phạm vi lĩnh vực, công việc được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công, ủy quyền”.*

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Chủ tịch UBND tỉnh không có thẩm quyền *ban hành văn bản quy phạm pháp luật*”. Đề nghị bỏ nội dung “*ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền*” tại điểm i khoản 2 Điều 4 dự thảo Quy chế nêu trên.

### **3. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản**

**3.1.** Đề nghị bổ sung *Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017* vào sau căn cứ ban hành thứ nhất “*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019*”;

**3.2.** Đề nghị rà soát toàn bộ nội dung của dự thảo Quyết định và dự thảo Quy chế, thống nhất cách sử dụng cụm từ “sau đây viết tắt”, “gọi tắt là”, “sau đây viết là”... để giải thích nội dung của từ ngữ được viết tắt.

**3.3.** Đề nghị bổ sung “*Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ*” vào địa chỉ nơi nhận của dự thảo Quyết định, đồng thời rà soát chỉnh sửa thứ tự địa chỉ nơi nhận theo thứ bậc địa vị pháp lý của đơn vị.

**3.4.** Bổ cục điểm b khoản 2 Điều 3 dự thảo Quy chế còn sử dụng gạch đầu dòng (-) để thể hiện các điểm, không phù hợp với quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị chỉnh sửa.

**3.5.** Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát toàn bộ nội dung dự thảo Quyết định để chỉnh sửa các lỗi về thể thức, kỹ thuật trình bày, sai sót chính tả, đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

### **III. KẾT LUẬN**

**1.** Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp nêu tại phần II Báo cáo này, tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo Quyết định đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

**2.** Sau khi hoàn chỉnh nội dung theo mục 1 phần III Báo cáo này, dự thảo văn bản đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Văn phòng UBND tỉnh (tổng hợp);
- Giám đốc Sở;
- Trang TTĐT STP;
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL.KXThành.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Thược**